

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày 03-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Long Khánh

2. Ông Tăng Hoàng Đa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Trụ sở: Số 40-42-44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh K (Nay là số 40-42-44 đường P, phường R, tỉnh A).

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương C. Có mặt

Địa chỉ: 969B/6 đường 26/3, khu vực 4, Quận Ô, thành phố C (Nay là 969B/6, đường 26/03 Khu vực 4, phường Ô, thành phố C).

Theo Quyết định ủy quyền số 796/QĐ-NHKL ngày 24/4/2024

Bị đơn: 1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1977. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp Th, thị trấn T1, huyện T1, thành phố C (Nay là ấp Th, xã T1, thành phố C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2025 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Phương C trình bày:*

Ngày 25/12/2024, bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 cùng Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch Ô đã ký Hợp đồng tín dụng số 196/24/HĐTD ngày 25/12/2024.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 số tiền 90.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ đời sống; Thời gian vay: 24 tháng; lãi suất vay: 10.3%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 đã không thực hiện trả nợ như cam kết. Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu bà H và ông H1 thanh toán khoản vay cho Ngân hàng theo đúng quy định. Tuy nhiên, bà H và ông H1 đã không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, số tiền mà bà H và ông H1 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP K là 13.567.500 đồng (Trong đó: nợ gốc là 11.250.000 đồng; nợ lãi là 2.317.500 đồng).

Tạm tính đến ngày 20/5/2025, bà H và ông H1 còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền 79.750.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 78.750.000 đồng, lãi trong hạn là 772.500 đồng, lãi phạt quá hạn là 44.974 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

1. Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 thanh toán Ngân hàng TMCP K số tiền 79.567.474 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 78.750.000 đồng, lãi trong hạn là 772.500 đồng, lãi quá hạn là 44.974 đồng).

2. Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 21/5/2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 196/24/HĐTD ngày 25/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến của phía bị đơn.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Phương C trình bày:*

Phía Ngân hàng TMCP K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu:

1. Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 thanh toán Ngân hàng TMCP K số nợ tạm tính đến ngày 03/9/2025 là 95.603.939 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 78.750.000 đồng, Lãi trong hạn là 16.222.500 đồng, lãi phạt quá hạn là 557.152 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 74.287đồng).

2. Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 04/9/2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 196/24/HĐTD ngày 25/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà H và ông H1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 21/5/2025 và Hợp đồng tín dụng số 196/24/HĐTD ngày 25/12/2024 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng. Do đó, xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (Nay là ấp Thới Phong A, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 196/24/HĐTD ngày 25/12/2024 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn để vay số tiền 90.000.000 đồng. Theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ có chữ ký của bị đơn đã thể hiện giữa bị đơn và nguyên đơn

có sự giao dịch vay vốn. Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn vốn gốc 11.250.000 đồng, lãi là 2.317.500 đồng thì ngưng trả, dư nợ hiện tại tính đến ngày 03/9/2025 là 95.603.939 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 3 của hợp đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 78.750.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Hợp đồng tín dụng số 196/24/HĐTD ngày 25/12/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi suất, phí, phạt vi phạm, trong đó có lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí, phạt vi phạm được quy định tại Điều 2 của hợp đồng một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Bảng tính lãi nguyên đơn cung cấp, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 03/9/2025 với số tiền 16.853.939 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ tạm tính đến ngày 03/9/2025 là 95.603.939 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 78.750.000 đồng, lãi trong hạn là 16.222.500 đồng, lãi quá hạn là 557.152 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 74.287 đồng).

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 361, Điều 362 và Điều 363 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K với bị đơn bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn H1.

Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ tạm tính đến ngày 03/9/2025 là 95.603.939 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 78.750.000 đồng, lãi trong hạn là 16.222.500 đồng, lãi quá hạn là 557.152 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 74.287 đồng).

Bị đơn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 04/9/2025 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 196/24/HĐTD ngày 25/12/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 4.780.197 đồng (*Bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn một trăm chín mươi bảy đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại 1.989.187 đồng (*Một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi bảy đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005035 ngày 16/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ)

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thái Minh Ngọc